TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Đặng Song Hoàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2024/TLST-HNGĐ 05/6/2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 96/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hà P, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: 634/13/5 Trần Phú, phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

2. Bị đơn: Bà Trương Ngọc Khánh G, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Địa chỉ: A H, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa cấp sơ thẩm nguyên đơn ông Hà P trình bày:

Ông Hà P và bà Trương Ngọc Khánh G quen biết nhau do cùng chơi game trong quán internet. Sau thời gian tìm hiểu, hai bên nảy sinh tình cảm, tự nguyện sống chung với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ hỏi. Ông P và bà G tự nguyện đi đăng ký hết hôn được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 06/7/2023.

Sau khi bà G sinh con thì bà G đã giao con cho nhà ông P nuôi dưỡng. Ông P đã nhiều lần khuyên can, tha thứ, cho bà G cơ hội nhưng bà G vẫn không thay

đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Ông Hà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P yêu cầu ly hôn với bà G.

Về con chung: Ông Hà P và bà Trương Ngọc Khánh G có một con chung là Hà Công T1, sinh ngày 21/10/2017. Cháu hiện đang sống với ông P, do ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông P hiện làm điện lạnh và làm thêm tự do có thu nhập để đảm bảo cho con, ông P không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp có yêu cầu cấp dưỡng ông P sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hà P và bà Trương Ngọc Khánh G không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn bà Trương Ngọc Khánh G trình bày:

Bà Trương Ngọc Khánh G quen biết với ông Hà P. Sau thời gian tìm hiểu, hai bên nảy sinh tình cảm. Bà G và ông P tự nguyện đi đăng ký hết hôn được Ủy ban nhân dân phường T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 06/7/2023.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 3/2024 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai không còn tình cảm, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau, nhưng không nhờ chính quyền địa phương can thiệt. Đến nay cả hai không còn tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay. Hiện bà G không đang mang thai, cũng không nuôi con nhỏ. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà P.

Về con chung: Bà G xác định vợ chồng có một con chung là Hà Công T1, sinh ngày 21/10/2017. Bà tự nguyện giao con chung Hà Công T1 cho ông P trực tiếp nuôi con, chăm sóc con. Bà sẽ cấp dưỡng cho con theo hoàn cảnh thực tế.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà G và ông P không có tài sản chung, không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Hà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các bên đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ông P và bà Giao kết h hợp pháp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P. Giao con chung cho ông P nuôi dưỡng. Về tài sản

và các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Hà P yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn bà Trương Ngọc Khánh G, có địa chỉ tại A H, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Trương Ngọc Khánh G được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bà G.

Về nội dung: Ông Hà P yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn bà Trương Ngọc Khánh G.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà G thừa nhận cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ Trích lục kết hôn ngày 22/5/2024 thì thấy, ông P và bà G được Ủy ban nhân dân phường T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 06/7/2023, nên hôn nhân giữa ông Hà P và bà Trương Ngọc Khánh G là hợp pháp.

Xét mẫu thuẫn vợ chồng, bà G và ông P thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống không thể kéo dài, cả hai yêu cầu được ly hôn. Bà G không thuộc trường hợp đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, ông Hà P yêu cầu ly hôn với bà G là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Ông Hà P và bà Trương Ngọc Khánh G xác định vợ chồng có một con chung là Hà Công T1, sinh ngày 21/10/2017 là phù hợp với giấy khai sinh của cháu, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà G đồng ý giao con cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, không tranh chấp về con. Ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Hà Công T1 đang do ông P chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu có nguyện vọng ở với ông P. Để ổn định cuộc sống, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu và bà G, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P giao con chung cho ông P trực tiếp nuôi con, bà G không cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hà P và bà Trương Ngọc Khánh G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà P yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với bà Trương Ngọc Khánh G.

[7] Về án phí sơ thẩm: Vụ án không tiến hành hòa giải được, ông Hà P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà P về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với bà Trương Ngọc Khánh G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà P được ly hôn với bà Trương Ngọc Khánh G.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Hà Công T1, sinh ngày 21/10/2017 cho ông Hà P trực tiếp nuôi con. Bà Trương Ngọc Khánh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Trương Ngọc Khánh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hà P và bà Trương Ngọc Khánh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Hà P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000092 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thị hành án dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông Hà P đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/7/2024), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP.Vũng Tàu, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS TP.Vũng Tàu;
- UBND P.T, TP.V;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Việt Hà